

Số: 08/2022/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 ngày 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Xét Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 194/BC-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*sau đây viết tắt là Chương trình*).

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh và các đơn vị sử dụng nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.

### **Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn**

1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư, Luật Ngân sách nhà nước và Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021-2025, nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; đảm bảo không vượt quá nguồn phân bổ vốn của trung ương và tỉnh giao.

3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng phù hợp với mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù; ưu tiên cho các địa phương còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau; ưu tiên các địa phương, đơn vị giải ngân nhanh để tạo điều kiện sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

4. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham gia thực hiện Chương trình căn cứ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước được giao xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm trình cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Việc phân bổ vốn phải đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, không phân tán, dàn trải, đảm bảo mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh và các huyện, thành phố để tạo sự chủ động, linh hoạt trong triển khai thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, phát huy hiệu quả sử dụng vốn và phù hợp với các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

Tập trung thực hiện một số dự án trọng điểm tại các huyện, thành phố để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm của huyện và của tỉnh.

6. Đảm bảo công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, dễ thực hiện góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

7. Nguồn đối ứng từ ngân sách tỉnh được tập trung để phân bổ cho một số dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình.

#### **Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách**

##### **1. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn**

a) Xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

b) Xã An toàn khu được xác định theo Quyết định số 2287/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu thuộc tỉnh Tuyên Quang.

c) Thôn đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021- 2025.

c) Tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Trường hợp các văn bản quy định được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

## 2. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách

Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh và các huyện, thành phố được quy định chi tiết tại 10 phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

a) Tổng số vốn phân bổ cho huyện, thành phố thứ k (Tk) được tổng hợp từ vốn phân bổ các dự án, tiểu dự án thành phần thứ i (Vk,i) của các huyện, thành phố đó.

$$T_k = \sum_{i=1}^n V_{k,i}$$

Trong đó:

- i là dự án, tiểu dự án thứ i.

$$(i = \overline{1, n})$$

- k là các huyện, thành phố thứ k.

$$(k = \overline{1, 7})$$

b) Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của các huyện, thành phố (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i \cdot X_{k,i}$$

Trong đó:

-  $V_{k,i}$ : Vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i cho huyện, thành phố thứ k.

-  $X_{k,i}$ : Số điểm dự án, tiểu dự án thứ i cho huyện, thành phố thứ k.

-  $Q_i$ : Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i.

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^n X_{k,i}}$$

-  $G_i$ : Vốn ngân sách nhà nước để phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i.

### **Điều 5. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình**

Hàng năm ngân sách tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng mức tỷ lệ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 6 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 ngày 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện Chương trình.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khoá XIX kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2022.

2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình quy định tại Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2021 - 2025./.

### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp;
- Ủy Ban Dân tộc;
- Các Văn phòng: Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Ủy ban nhân tộc;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Sở Tư pháp, đăng tải CSDL;
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT (BDT-280b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Thị Minh Xuân**

**Phụ lục I**  
**Phân bổ vốn thực hiện Dự án 1: Giải quyết tình trạng**  
**thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của*  
*Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**1. Vốn đầu tư:**

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho huyện, thành phố.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Cứ 01 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	0,4 x a
2	Cứ 01 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	0,4 x b
3	Cứ 01 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	0,225 x c
4	Cứ 01 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	d	30 x d
	<b>Tổng cộng:</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu rà soát nhu cầu thực tế và đề xuất của các huyện, thành phố được phê duyệt.

**2. Vốn sự nghiệp:**

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho huyện, thành phố.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Cứ 01 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	0,1 x a
2	Cứ 01 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	0,03 x b
	<b>Tổng cộng:</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu rà soát nhu cầu thực tế và đề xuất của các huyện, thành phố được phê duyệt.

## Phụ lục II

### Phân bổ vốn thực hiện Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

#### 1. Vốn đầu tư:

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho huyện, thành phố.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm	10
2	Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm	01
	<b>Tổng cộng điểm:</b>	<b>X<sub>k,i</sub></b>

Nguồn số liệu căn cứ rà soát nhu cầu thực tế và đề xuất của huyện, thành phố được phê duyệt.

#### 2. Vốn sự nghiệp:

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho huyện, thành phố.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm, phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm 0,1 điểm	0,1
	<b>Tổng cộng điểm:</b>	<b>X<sub>k,i</sub></b>

Nguồn số liệu căn cứ rà soát nhu cầu thực tế và đề xuất của các huyện, thành phố được phê duyệt.

### Phụ lục III

## Phân bổ vốn thực hiện Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**I. Tiểu Dự án 1:** Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

**1. Vốn đầu tư:** Không

**2. Vốn sự nghiệp:**

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho các huyện, thành phố và các Ban quản lý rừng, Ban quản lý dự án cơ sở.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	0,004	a	0,004 x a
2	Mỗi ha được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình	0,004	b	0,004 x b
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung	0,016	c	0,016 x c
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ	0,1	d	0,1 x d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ	0,3	đ	0,3 x đ
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ	0,12	e	0,12 x e
	<b>Tổng cộng điểm:</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d, đ, e) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế tại các huyện, thành phố, các Ban quản lý rừng, Ban quản lý dự án cơ sở do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

**II. Tiểu Dự án 2:** Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**1. Vốn đầu tư:**

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho huyện, thành phố để thực hiện nội dung: Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý.



Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi huyện thực hiện dự án trồng dược liệu quý	290	a	290 x a
2	Mỗi trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao	300	b	300 x b
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

## **2. Vốn sự nghiệp:**

a) Phân bổ không quá 15% cho Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nông dân tỉnh để thực hiện nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Phân bổ vốn cho huyện, thành phố: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ theo quy định tại điểm a khoản này để thực hiện nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất; đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

\* Đối với vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi huyện, thành phố thực hiện dự án trồng dược liệu quý	310	a	310 x a
2	Thực hiện xây dựng trung tâm giống cây dược liệu quý	270	b	270 x b
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

\* Đối với vốn hỗ trợ phát triển sản xuất; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư:

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn ĐBKK:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	5	b	5 x b
	<b>Tổng cộng điểm:</b>			<b>A<sub>k,i</sub></b>

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã ĐBKK hơn:

- Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK	2	a	2 x a
	<b>Tổng cộng điểm:</b>			<b>B<sub>k,i</sub></b>

- Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	a	0,15 x a
	<b>Tổng cộng điểm:</b>			<b>C<sub>k,i</sub></b>

Tổng số điểm  $X_{k,i}$  của địa phương thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí:  $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$ .

### Phụ lục IV

## Phân bổ vốn thực hiện Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**I. Tiêu Dự án 1:** Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### 1. Vốn đầu tư:

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho huyện, thành phố.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I ( <i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135</i> )	90	b	90 x b
3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III ( <i>Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã</i> )	15	c	15 x c
4	Cứ 1km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	d	16 x d
5	Cứ xây mới 01 trạm y tế xã	40	e	40 x e
6	Cứ cải tạo sửa chữa 01 trạm y tế xã	8	f	8 x f
7	Cứ xây mới 01 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	g	44 x g
8	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 01 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	h	8 x h
9	Mỗi công trình giao thông mở mới đường giao thông đến trung tâm xã ( <i>dành cho các xã chưa có đường tới trung tâm xã</i> )	3.430	i	3.430 x i
10	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối xã khu vực III	500	k	500 x k
11	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối thôn đặc biệt khó khăn	50	l	50x l
12	Mỗi công trình hạ tầng lưới điện cho các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn	1.000	m	1.000 x m
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>A<sub>k,i</sub></b>

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

+ Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK	10	a	10 x a
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>B<sub>k,i</sub></b>

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	a	0,3 x a
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>C<sub>k,i</sub></b>

Tổng số điểm  $X_{k,i}$  của địa phương thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí:  $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$

## 2. Vốn sự nghiệp:

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho huyện, thành phố.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK ( <i>xã khu vực III</i> )	9	a	9 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I ( <i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135</i> )	8	b	8 x b
3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III ( <i>Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã</i> )	1,8	c	1,8 x c
4	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo	2,5	d	2,5 x d
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>A<sub>k,i</sub></b>

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

+ Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK	1	a	1 x a
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>B<sub>k,i</sub></b>

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	a	0,03 x a
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>C<sub>k,i</sub></b>

Tổng số điểm  $X_{k,i}$  của địa phương thứ i được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí:  $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$ .

**II. Tiểu dự án 2:** Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc.

**1. Vốn đầu tư:** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện đầu tư Trường Đại học Tân Trào theo quy định tại khoản 2 Phụ lục IV của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**2. Vốn sự nghiệp:** Không.

## Phụ lục V

### Phân bổ vốn thực hiện Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**I. Tiêu dự án 1:** Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông dân tộc có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

#### 1. Vốn đầu tư:

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho huyện, thành phố.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp	1,446	a	1,446 x a
2	Mỗi phòng ở cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	b	1,446 x b
3	Mỗi phòng quản lý cho học sinh bán trú, nội trú và phòng hiệu bộ bổ sung, nâng cấp	1,446	c	1,446 x c
4	Mỗi nhà ăn + nhà bếp ăn bổ sung, nâng cấp	5,784	d	5,784 x d
5	Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp	4,5	đ	4,5 x đ
6	Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp	4,5	e	4,5 x e
7	Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hoá dân tộc bổ sung, nâng cấp	4,5	g	4,5 x g
8	Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp	3,759	h	3,759 x h
9	Mỗi công trình phụ trợ khác (sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...) bổ sung, nâng cấp	2	k	2 x k
10	Mỗi trường dân tộc nội trú cho huyện có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để hoạt động.	450	l	450 x l
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d, đ, e, g, h, k, l) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế tại các huyện, thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp.

**2. Vốn sự nghiệp:**

- a) Phân bổ không quá 20% tổng nguồn vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo.  
 b) Phân bổ cho huyện, thành phố: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ theo quy định tại điểm a khoản này.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi trường phổ thông dân tộc nội trú mua sắm trang thiết bị	50	a	50 x a
2	Mỗi trường phổ thông dân tộc bán trú mua sắm trang thiết bị	25	b	25 x b
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>Xk,i</b>

Số lượng (a, b) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế tại các huyện, thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp.

**II. Tiểu dự án 2:** Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

**1. Vốn đầu tư:** Không

**2. Vốn sự nghiệp:**

2.1. Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Nội dung 2: Hỗ trợ đại học, sau đại học

Phân bổ 100% tổng nguồn cho Sở Giáo dục và Đào tạo.

**III. Tiểu dự án 3:** Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

**1. Vốn đầu tư:** Không

**2. Vốn sự nghiệp:**

a) Phân bổ không quá 15% tổng nguồn vốn cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Phân bổ cho huyện, thành phố: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ theo quy định tại điểm a khoản này.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng điểm</b>
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,14	a	0,14 x a
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế tại các huyện, thành phố do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

**IV. Tiêu dự án 4:** Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình.

**1. Vốn đầu tư:** Không

**2. Vốn sự nghiệp:**

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho Ban Dân tộc.



## Phụ lục VI

**Phân bổ vốn thực hiện Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

### 1. Vốn đầu tư:

a) Phân bổ không quá 60% tổng nguồn vốn cho Sở Văn hóa - Thể Thao và Du lịch.

b) Phân bổ vốn cho huyện, thành phố: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ theo quy định tại điểm a khoản này.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu	7	a	7 x a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một làng, bản truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.	60	b	60 x b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2	c	2 x c
4	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.	60	d	60 x d
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	e	60 x e
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d, e) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế tại các huyện, thành phố do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổng hợp.

### 2. Vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ không quá 55% tổng nguồn vốn cho Sở Văn hóa - Thể Thao và Du lịch.

b) Phân bổ vốn cho huyện, thành phố: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ theo quy định tại điểm a khoản này.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn đặc thù	50	a	50 x a
2	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho vùng đồng bào DTTS và miền núi	10	b	5 x b
3	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hoá truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hoá truyền thống, mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống văn hoá các dân tộc thiểu số...)	3,5	c	3,5 x c
4	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	d	0,6 x d
5	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hoá dân gian...)	2	e	2 x e
6	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	g	0,5 x g
7	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	h	20 x h
8	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	i	10 x i
9	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	k	3 x k
10	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,3	l	0,3 x l
11	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	m	0,3 x m
12	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5	n	5 x n
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d, e, g, h, i, k, l, m, n) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế tại các huyện, thành phố do Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch tổng hợp.

**Phụ lục VII**

**Phân bổ vốn thực hiện Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

- 1. Vốn đầu tư:** Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho Sở Y tế.
- 2. Vốn sự nghiệp:** Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho Sở Y tế.

**Phụ lục VIII****Phân bổ vốn thực hiện Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**

(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**1. Vốn đầu tư:** Không

**2. Vốn sự nghiệp:**

a) Phân bổ không quá 40% tổng nguồn vốn cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.

b) Phân bổ cho huyện, thành phố: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ theo quy định tại điểm a khoản này.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I ( <i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135</i> )	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III ( <i>Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III</i> )	2	b	2 x b
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế tại các huyện, thành phố do Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổng hợp.

### Phụ lục IX

## Phân bổ vốn thực hiện Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù

(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**I. Tiêu Dự án 1:** Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số (DTTS) còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù

### 1. Vốn đầu tư:

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho huyện, thành phố.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	82	a	82 x a
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

### 2. Vốn sự nghiệp:

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho huyện, thành phố.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù thuộc địa bàn đầu tư	0,15	b	0,15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng diện đầu tư	19	a	19 x b
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

**II. Tiêu dự án 2:** Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

### 1. Vốn đầu tư: Không

### 2. Vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ không quá 50% tổng nguồn vốn cho Ban Dân tộc, Sở Y tế tỉnh.

b) Phân bổ cho huyện, thành phố: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ theo quy định tại điểm a, khoản này.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống (a) của các huyện, thành phố căn cứ vào số liệu Cuộc điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019.

Số mô hình thực hiện là 20% của tổng số xã khu vực III, khu vực II của các huyện, thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

## Phụ lục X

### Phân bổ vốn thực hiện Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**I. Tiểu dự án 1:** Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thống phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

**1. Vốn đầu tư:** Không

**2. Vốn sự nghiệp:**

a) Phân bổ không quá 50% tổng nguồn vốn cho Ban Dân tộc, Sở Tư pháp.

b) Phân bổ cho huyện, thành phố: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ theo quy định tại điểm a khoản này.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ mỗi người có uy tín ở xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	3	a	3 x a
	<b>Tổng cộng</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a) là số người có uy tín được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**II. Tiểu dự án 2:** Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**1. Vốn đầu tư:** Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho Ban Dân tộc, Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã.

**2. Vốn sự nghiệp:** Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho Ban Dân tộc, Sở Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã.

**III. Tiểu dự án 3:** Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

**1. Vốn đầu tư:** Không.

**2. Vốn sự nghiệp:**

a) Phân bổ không quá 50% tổng nguồn vốn cho các cơ quan thành viên Ban chỉ đạo.

b) Phân bổ cho huyện, thành phố: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ theo quy định tại điểm a khoản này.

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b><math>X_{k,i}</math></b>